

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ
Quy định kỹ thuật quy hoạch tài nguyên nước*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định kỹ thuật quy hoạch tài nguyên nước.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định nội dung kỹ thuật, sản phẩm của việc lập nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước; lập quy hoạch tài nguyên nước đối với:

1. Lưu vực sông liên tỉnh.
2. Nguồn nước liên tỉnh.
3. Tài nguyên nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước và lập quy hoạch tài nguyên nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xác định chức năng nguồn nước* là việc xác định những mục đích sử dụng nước dựa trên các giá trị lợi ích của nguồn nước đối với từng đoạn sông, từng tầng chứa nước hay cả nguồn nước trong kỳ quy hoạch.

2. *Lượng nước có thể phân bổ* là lượng nước được dùng để phân bổ cho các đối tượng sử dụng nước.

3. *Điểm phân bổ* là vị trí trên nguồn nước mà tại đó lượng nước được xác định và kiểm soát trong quá trình phân bổ cho các đối tượng sử dụng nước.

4. *Công trình phát triển tài nguyên nước* là công trình gia tăng lượng nước có thể sử dụng.

5. *Miền cấp nước dưới đất* là phần diện tích bề mặt của tầng chứa nước được nước mưa, nước mặt cung cấp trực tiếp.

Điều 4. Tính thứ bậc của quy hoạch tài nguyên nước

1. Quy hoạch tài nguyên nước theo thứ bậc như sau:

- a) Quy hoạch tài nguyên nước chung của cả nước;
- b) Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh;
- c) Quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Quy hoạch tài nguyên nước có thứ bậc thấp phải phù hợp với các quy hoạch tài nguyên nước có thứ bậc cao hơn đã được phê duyệt.

3. Quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước do bộ, ngành, địa phương lập phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.

Điều 5. Mục tiêu quy hoạch tài nguyên nước

1. Bảo đảm công bằng và hợp lý giữa các vùng, nhóm đối tượng sử dụng nước; giữa các khu vực hành chính; giữa thượng nguồn và hạ nguồn.

2. Ưu tiên nguồn nước bảo đảm phát triển mang tính chiến lược, ổn định an sinh xã hội và các thỏa thuận quốc tế.

3. Cân bằng giữa lượng nước có thể khai thác và nhu cầu sử dụng nước có xét đến sự biến động tự nhiên của nguồn nước nhằm tránh tình trạng thiếu nước thường xuyên hoặc không lường trước.

4. Bảo vệ các hệ sinh thái phụ thuộc vào nước, các chức năng quan trọng của nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt.

5. Phòng, chống, giảm thiểu và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

6. Nâng cao sử dụng hiệu quả nguồn nước hiện có.

Điều 6. Yêu cầu đối với tài liệu sử dụng trong quy hoạch tài nguyên nước

1. Phải có nguồn gốc rõ ràng, do cơ quan có thẩm quyền công bố, cung cấp.

2. Phải bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ từ việc lập nhiệm vụ quy hoạch và giữa các nội dung quy hoạch khác nhau trong quy hoạch tài nguyên nước.

3. Mức độ chi tiết của các tài liệu phục vụ quy hoạch tài nguyên nước được quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này.

Chương II

LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 7. Đánh giá tổng quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội

1. Tổng quát đặc điểm tự nhiên vùng lập nhiệm vụ quy hoạch bao gồm các nội dung:

- a) Vị trí địa lý, ranh giới, chiều dài đường biên giới, đường bờ biển (nếu có);
- b) Tổng diện tích tự nhiên, tỷ lệ phân bố các dạng địa hình, độ cao trung bình; hướng dốc địa hình;
- c) Các thành tạo địa chất chủ yếu;
- d) Diện tích và tỷ lệ các loại rừng;
- đ) Đặc điểm khí hậu, khí tượng;
- e) Các danh thắng, khu du lịch, khu bảo tồn, di sản thiên nhiên.

2. Tổng quát đặc điểm kinh tế - xã hội bao gồm các nội dung:

- a) Các đơn vị hành chính và diện tích hành chính các tỉnh, huyện trong vùng lập nhiệm vụ quy hoạch;
- b) Tổng dân số, phân loại dân số, mật độ dân số, tốc độ phát triển dân số;
- c) Các vùng đặc biệt khó khăn, các vùng chính sách, vùng căn cứ cách mạng;
- d) Các ngành kinh tế chủ yếu và tỷ trọng đóng góp cho GDP, cho ngân sách của tỉnh, Trung ương.
- đ) Hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất;
- e) Cơ cấu cây trồng, vật nuôi;
- g) Định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 8. Đánh giá tổng quát hiện trạng tài nguyên nước

1. Mô tả sơ bộ hệ thống sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, phá, các tầng chứa nước:

- a) Vị trí đầu nguồn, cuối nguồn, chiều dài các sông, suối, kênh, rạch chủ yếu, các đơn vị hành chính nguồn nước chảy qua;
- b) Vị trí địa lý, diện tích hồ, đầm, phá;
- c) Diện phân bố, chiều sâu, bề dày của các tầng chứa nước chủ yếu.

2. Đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt:

- a) Tổng lượng nước trung bình năm tại các vị trí quan trắc cố định trong vùng lập nhiệm vụ quy hoạch;
- b) Phân phối dòng chảy trung bình tháng;

- c) Biến đổi dòng chảy năm trong nhiều năm;
- d) Tổng dung tích hồ, đầm, phá;
- đ) Đánh giá sơ bộ chất lượng nước sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, phá chủ yếu trong vùng lập nhiệm vụ quy hoạch.

3. Đánh giá sơ bộ hiện trạng trữ lượng và chất lượng nước các tầng chứa nước chủ yếu trong vùng lập nhiệm vụ quy hoạch.

Điều 9. Đánh giá tổng quát về khai thác, sử dụng nước, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- 1. Đánh giá tổng quát về khai thác, sử dụng tài nguyên nước:
 - a) Tỷ lệ dân đô thị, nông thôn được cấp nước;
 - b) Lượng nước sử dụng trong nông nghiệp, thủy sản, các ngành công nghiệp chủ yếu, sinh hoạt và dịch vụ;
 - c) Cơ cấu sử dụng nước;
 - d) Các nguồn nước được khai thác, sử dụng chủ yếu;
 - đ) Hệ thống trạm quan trắc liên quan đến số lượng nước;
 - e) Mâu thuẫn, cạnh tranh trong khai thác, sử dụng nước.
- 2. Đánh giá tổng quát về bảo vệ tài nguyên nước:
 - a) Hệ thống trạm quan trắc liên quan đến chất lượng nước;
 - b) Các loại hình và phương thức xả thải vào nguồn nước; tỷ lệ các đối tượng được cấp phép so với đối tượng phải xin phép;
 - c) Tỷ lệ lượng nước thải đã được xử lý;
 - d) Tình hình suy thoái, ô nhiễm nguồn nước;
 - đ) Các biện pháp, chính sách bảo vệ tài nguyên nước trong vùng lập nhiệm vụ quy hoạch.
- 3. Đánh giá tổng quát về phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:
 - a) Tổng hợp các khu vực bờ sông, kênh sạt lở; các khu vực sụt lún đất; các khu vực xâm nhập mặn do thẩm dò, khai thác nước dưới đất;
 - b) Xác định sơ bộ phạm vi chịu tác hại do nước gây ra, khu vực cộng đồng dân cư, cơ sở hạ tầng và các ngành kinh tế - xã hội thường xuyên bị ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng nặng nề do tác hại của nước;
 - c) Tổng hợp các biện pháp công trình, phi công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 10. Xác định sơ bộ chức năng của nguồn nước

1. Đánh giá các mục đích khai thác, sử dụng nước chủ yếu đối với từng nguồn nước theo những nội dung sau:

- a) Tổng lượng nước khai thác, sử dụng trong năm và trong mùa khô;
- b) Tỷ trọng đóng góp cho GDP, cho ngân sách của tỉnh, Trung ương;
- c) Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương;
- d) Các hoạt động sản xuất chính phụ thuộc nguồn nước;
- đ) Dân số được cấp nước sinh hoạt từ nguồn nước;
- e) Khai thác, sử dụng nước theo các quyết định của Nhà nước;
- g) Các thỏa thuận liên quốc gia, liên vùng và các tổ chức liên quan đến việc khai thác, sử dụng nguồn nước.

2. Sắp xếp thứ tự ưu tiên các mục đích khai thác, sử dụng nước theo nội dung tại khoản 1 Điều này và xác định chức năng chủ yếu của nguồn nước.

Điều 11. Xác định sơ bộ nhu cầu sử dụng nước

1. Ước tính và tổng hợp nhu cầu sử dụng nước:

- a) Ước tính nhu cầu sử dụng nước của các ngành sử dụng nước đối với nguồn nước chủ yếu đang khai thác, sử dụng;
- b) Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của các địa phương trong vùng lập nhiệm vụ quy hoạch.

2. Căn cứ xác định nhu cầu sử dụng nước:

- a) Định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng nước hiện hành của các ngành kinh tế - xã hội;
- b) Trường hợp chưa có quy định về tiêu chuẩn sử dụng nước, việc xác định nhu cầu sử dụng nước căn cứ vào hiện trạng khai thác, sử dụng nước và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng lập nhiệm vụ quy hoạch.

Điều 12. Xác định các vấn đề cần giải quyết trong khai thác, sử dụng nước, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

1. Xác định các vấn đề cần giải quyết trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

- a) Cạnh tranh trong khai thác, sử dụng nước giữa các địa phương; giữa các ngành; giữa địa phương với các ngành;
- b) Tình hình thiếu nước, khan hiếm nước, các đối tượng sử dụng nước bị tác động;
- c) Thời gian, khu vực xảy ra thiếu nước.